

Bản án số: 30/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 01 - 2025.

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Ngô Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tô Văn Ngọc**

Bà **Quang Thị Ngà**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thu Thảo** – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Hứa Hải Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 683/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Kiều Thị Thanh T**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Số nhà D, ngách B, tổ F phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên toà.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1995.

Nơi thường trú: Thôn P, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam P, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị Thanh T kết hôn với anh Nguyễn Tiến D trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã U ngày 18/07/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại thôn P, xã U, huyện Đ, Hà Nội, ở chung cùng gia đình anh D. Quá trình chung sống giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn.

Theo chị T xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do anh D thường xuyên đi chơi bời, không quan tâm, chăm lo cho vợ con. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bản thân anh chị và gia đình khuyên giải, tạo điều kiện giúp đỡ nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ khoảng năm 2020. Từ tháng 1 năm 2024 anh D bị bắt về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án phạt tù. Nay chị xác định tình cảm không còn do vậy chị xin ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống riêng.

Anh D xác định: Quá trình anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 1 năm 2024 anh phải đi chấp hành án phạt tù 8 năm về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Chị T không thăm hỏi cũng như có trách nhiệm gì với anh. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Anh chị có một con chung là: Nguyễn Tiến B, sinh ngày 02/12/2016, cháu khỏe mạnh, bình thường. Ly hôn, chị T và anh D cùng có nguyện vọng để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D cho đến khi cháu Bảo thành N hoặc có sự thay đổi khác vì anh D hiện đang chấp hành án nên không có thu nhập.

Về tài sản chung: Chị T và anh D cùng xác định anh chị không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án.

Anh D đang chấp hành án và đã có đơn xin vắng mặt nên không có mặt phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kiều Thị Thanh T với anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến B, sinh ngày 02/12/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D cho đến khi cháu Bảo thành N hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tiến D hiện đang chấp hành án tù và đã có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Toà án giải quyết vụ kiện do vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, dành quyền kháng cáo cho anh theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Kiều Thị Thanh T và anh Nguyễn Tiến D: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 18/7/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của anh chị và kết quả xác minh thể hiện: Quá trình chung sống, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ khoảng năm 2020 cho đến nay. Anh chị cùng thống nhất xác định không còn tình cảm với nhau nên chị T xin ly hôn, anh D nhất trí. Tuy nhiên, anh D hiện vẫn đang chấp hành án tù và có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Toà án giải quyết việc chị T xin ly hôn với anh. Nhận thấy, sau khi kết hôn được một thời gian giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay đã được vài năm, không quan tâm có trách nhiệm gì với nhau. Anh chị cùng xác định không còn tình cảm với nhau và thống nhất ly hôn do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kiều Thị Thanh T với anh Nguyễn Tiến D là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung là: Nguyễn Tiến B, sinh ngày 02/12/2016. Ly hôn, chị T và anh D cùng có nguyện vọng để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D cho đến khi cháu Bảo thành N hoặc có sự thay đổi khác. Anh D1 hiện đang chấp hành án tù nên không có thu nhập và điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung. Chị T vẫn đang chăm sóc con chung của anh chị từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay. Do vậy, khi ly hôn giao chị T trực tiếp nuôi cháu B và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D1 cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ, công sức: Anh chị cùng có ý kiến xác định không yêu cầu Toà án giải quyết do vậy Toà án không giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Kiều Thị Thanh T là nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kiều Thị Thanh T xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D. Chị Kiều Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Chị Kiều Thị Thanh T và anh Nguyễn Tiến D có một con chung là: Nguyễn Tiến B, sinh ngày 02/12/2016. Ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D cho đến khi cháu Bảo thành N hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Tiến D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Kiều Thị Thanh T phải chịu để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0071739 ngày 17/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử công khai sơ thẩm chị Kiều Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã Uy Nỗ (GCN kết hôn số 43 ngày 18/7/2016);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thu Hà